TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C1

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100274	NGUYỄN THU HOÀI AN	13/04/07	10	28	28	25	26	24	10	
2	100514	LÊ ĐỨC ANH	08/10/07	18	36	36	31	29	26	18	
3	100289	NGUYỄN ĐẠT ĐỨC ANH	12/10/07	10	28	28	25	26	25	10	
4	100354	PHẠM QUỲNH ANH	10/03/07	12	30	30	26	27	25	12	
5	100164	VŨ PHAN HOÀNG ANH	23/09/07	6	24	24	22	25	24	6	
6	100198	VŨ HOÀNG NGUYỆT ÁNH	24/01/07	7	25	25	23	25	24	7	
7	100006	NGUYỄN HÀ CHI	22/05/07	1	19	19	19	23	23	1	
8	100002	NGUYỄN MAI CHI	08/11/07	1	19	19	19	23	23	1	
9	100149	NGUYỄN TRƯỜNG CƯỜNG	18/12/07	5	23	23	21	24	24	5	
10	100456	PHÓ NHẬT CƯỜNG	01/05/07	16	34	34	29	28	26	16	
11	100251	ĐÀO ANH DUY	16/08/07	9	27	27	24	26	24	9	
12	100482	VŨ TRÍ DŨNG	28/04/07	17	35	35	30	29	26	17	
13	100045	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	24/12/07	2	20	20	19	23	23	2	
14	100355	PHẠM THÁI DƯƠNG	10/07/07	12	30	30	26	27	25	12	
15	100161	VŨ VIỆT HÀ	12/02/07	6	24	24	22	25	24	6	
16	100306	NINH THỊ MINH HẰNG	07/05/07	11	29	29	25	27	25	11	
17	100523	HOÀNG MINH HIẾU	03/04/07	18	36	36	31	29	26	18	
18	100007	ĐẶNG MỸ HUYỀN	30/12/07	1	19	19	19	23	23	1	
19	100128	NGUYỄN MINH HÙNG	30/07/07	5	23	23	21	24	23	5	
20	100264	QUÁN NAM KHÁNH	03/08/07	9	27	27	24	26	24	9	
21	100307	PHẠM BẢO KHOA	18/05/07	11	29	29	25	27	25	11	
22	100202	BÙI LÊ QUANG KHÔI	28/11/07	7	25	25	23	25	24	7	
23	100001	PHẠM MAI LIÊN	08/02/07	1	19	19	19	23	23	1	
24	100123	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	26/03/07	5	23	23	21	24	23	5	
25	100342	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	04/01/07	12	30	30	26	27	25	12	
26	100124	BÙI DUY LONG	08/08/07	5	23	23	21	24	23	5	
27	100292	BÙI ĐỨC MINH	05/06/07	10	28	28	25	26	25	10	
28	100459	ĐÀO GIA MINH	24/09/07	16	34	34	29	28	26	16	
29	100088	NGUYỄN TRẦN HỒNG MINH	14/02/07	3	21	21	20	24	23	3	
30	100401	TRẦN THÀNH MINH	19/12/07	14	32	32	28	28	26	14	
31	100323	PHAN THỊ HIẾU NGÂN	27/04/07	11	29	29	26	27	25	11	
32	100345	LƯU MINH QUÂN	15/04/07	12	30	30	26	27	25	12	
33	100018	NGUYỄN HUY HOÀNG QUÝ	13/09/07	1	19	19	19	23	23	1	
34	100317	NGUYỄN VŨ THÁI SƠN	27/06/07	11	29	29	26	27	25	11	
35	100462	NGUYỄN HƯƠNG THẢO	07/02/07	16	34	34	29	29	26	16	
36	100607	PHẠM PHƯƠNG THẢO	23/09/07	21	39	39	34	31	27	21	
37	100463	VŨ PHƯƠNG THẢO	22/07/07	16	34	34	29	29	26	16	
38	100242	MAI ĐỨC THẮNG	20/01/07	9	27	27	24	26	24	9	
39	100146	PHẠM NGUYỄN THẾ THUẬN	11/09/07	5	23	23	21	24	24	5	
40	100267	ĐINH THỊ ANH THƯ	24/01/07	9	27	27	24	26	24	9	
41	100060	NGUYỄN MINH TRANG	11/11/07	2	20	20	20	23	23	2	
42	100070	ĐẶNG VIỆT TUẤN	27/12/07	3	21	21	20	24	23	3	
43	100175	BÙI SONG YẾN	20/09/07	6	24	24	22	25	24	6	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C10

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100387	LÊ ĐỨC ANH	10/09/07	14	32	32	27			14	
2	100518	LÊ QUỲNH ANH	21/01/07	18	36	36	31			18	
3	100640	NGUYỄN HÀ ANH	06/02/07	22	40	40	34			22	
4	100380	NGUYỄN KHÁNH ANH	15/11/07	13	31	31	27			13	
5	100303	NGUYỄN MINH ANH	30/09/07	11	29	29	25			11	
6	100433	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	17/11/07	15	33	33	29			15	
7	100279	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	29/10/07	10	28	28	25			10	
8	100513	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	09/02/07	18	36	36	31			18	
9	100110	PHẠM THẢO ANH	27/12/07	4	22	22	21			4	
10	100403	TRẦN PHƯƠNG ANH	17/06/07	14	32	32	28			14	
11	100187	TRẦN NGỌC BÍCH	24/10/07	7	25	25	23			7	
12	100465	NGUYỄN NGỌC BÌNH	17/12/07	16	34	34	29			16	
13	100169	TỪ NGỌC PHƯƠNG CHI	29/08/07	6	24	24	22			6	
14	100138	VŨ THÙY DƯƠNG	27/07/07	5	23	23	21			5	
15	100479	TRỊNH MINH ĐĂNG	29/10/07	17	35	35	30			17	
16	100467	TRẦN TRƯỜNG GIANG	19/01/07	16	34	34	29			16	
17	100391	LÊ VIỆT HOÀNG	29/10/07	14	32	32	27			14	
18	100254	VŨ MINH HUY	28/06/07	9	27	27	24			9	
19	100635	LÊ HÀ HƯƠNG	05/03/07	22	40	40	34			22	
20	100527	HOÀNG MINH KHANG	05/12/07	18	36	36	31			18	
21	100656	PHẠM NGUYÊN DIỆU KHANH	20/08/07	23	41	41	35			23	
22	100671	BÙI ĐỨC KHÁNH	23/08/07	23	41	41	35			23	
23	100409	LÊ ANH KHOA	08/01/07	14	32	32	28			14	
24	100155	PHẠM TUẤN KHOA	24/03/07	6	24	24	22			6	
25	100557	HOÀNG TRUNG KIÊN	12/09/07	19	37	37	32			19	
26	100331	TRỊNH BÁ THANH LÂM	29/08/07	12	30	30	26			12	
27	100576	ĐỖ KHÁNH LINH	22/10/07	20	38	38	33			20	
28	100663	MAI KHÁNH LINH	01/11/07	23	41	41	35			23	
29	100488	NGUYỄN DOÃN THÙY LINH	30/01/07	17	35	35	30			17	
30	100595	NGUYỄN THÙY LINH	11/11/07	21	39	39	33			21	
31	100310	VŨ DIỆU LINH	21/06/07	11	29	29	25			11	
32	100452	VŨ KHÁNH LINH	24/05/07	16	34	34	29			16	
33	100642	NGUYỄN DUY QUANG MINH	02/08/07	22	40	40	35			22	
34	100585	TRẦN PHƯƠNG KIM NGÂN	09/02/07	20	38	38	33			20	
35	100383	TRỊNH THU NGÂN	23/09/07	13	31	31	27			13	
36	100100	VŨ CHÍNH NGHĨA	24/06/07	4	22	22	20			4	
37	100425	ĐÀO KHÁNH NGỌC	12/11/07	15	33	33	28			15	
38	100641	LƯU HỒNG NGỌC	16/11/06	22	40	40	35			22	
39	100588	NGUYỄN VŨ NHƯ NGỌC	13/04/07	20	38	38	33			20	
40	100312	PHẠM HỒNG NGỌC	20/06/07	11	29	29	25			11	
41	100166	NGUYỄN HẢI NGUYÊN	10/06/07	6	24	24	22			6	
42	100596	PHẠM KHÔI NGUYÊN	25/11/07	21	39	39	33			21	
43	100410	LƯU THỊ YẾN NHI	06/11/07	14	32	32	28			14	
44	100374	VŨ NAM PHONG	17/01/07	13	31	31	27			13	
45	100572	NGUYỄN TRƯỜNG PHÚC	26/01/07	20	38	38	32			20	
46	100397	VŨ TUẤN THÀNH	08/08/07	14	32	32	27			14	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 10C10

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
47	100333	LÊ THANH THẢO	06/12/07	12	30	30	26			12	
48	100319	NGUYỄN THANH THẢO	11/06/07	11	29	29	26			11	
49	100580	VŨ MINH TIẾN	19/10/07	20	38	38	33			20	
50	100583	HOÀNG KHÁNH VINH	27/08/07	20	38	38	33			20	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 10C11

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100431	ĐỖ THỊ MINH ANH	25/06/07	15	33	33				15	37
2	100494	NGUYỄN NGỌC ANH	23/02/07	17	35	35				17	37
3	100442	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	16/01/07	15	33	33				15	37
4	100637	NGUYỄN PHAN MỸ ANH	06/09/07	22	40	40				22	38
5	100616	NGUYỄN THANH NHẬT ANH	17/08/07	21	39	39				21	38
6	100358	PHẠM NGỌC ANH	26/05/07	13	31	31				13	36
7	100495	PHẠM QUANG ANH	07/11/07	17	35	35				17	37
8	100598	TRẦN PHƯƠNG ANH	06/06/07	21	39	39				21	38
9	100592	TRƯƠNG HOÀNG BẢO ANH	03/12/07	21	39	39				21	38
10	100038	VŨ QUỲNH ANH	08/01/07	2	20	20				2	32
11	100634	VŨ TUẤN ANH	30/04/07	22	40	40				22	38
12	100281	PHẠM MINH CHÂU	03/12/07	10	28	28				10	35
13	100104	BÙI QUỲNH CHI	25/10/07	4	22	22				4	33
14	100234	NGUYỄN DIỆP CHI	06/11/07	8	26	26				8	34
15	100502	HỒ ANH ĐỨC	21/10/07	18	36	36				18	37
16	100468	ĐÀO QUANG HUY	16/08/07	16	34	34				16	37
17	100407	TRẦN MINH HƯƠNG	21/11/07	14	32	32				14	37
18	100658	NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	04/11/07	23	41	41				23	38
19	100548	LÊ NGUYỄN GIA LINH	11/07/07	19	37	37				19	38
20	100392	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	25/06/07	14	32	32				14	36
21	100133	PHAN THÙY LINH	08/09/07	5	23	23				5	33
22	100365	PHẠM KHÁNH LINH	23/04/07	13	31	31				13	36
23	100615	LÊ HẢI KHÁNH LY	28/03/07	21	39	39				21	38
24	100296	BÙI THANH MAI	07/02/07	10	28	28				10	35
25	100609	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	28/09/07	21	39	39				21	38
26	100489	NGUYỄN NGỌC MINH	30/11/07	17	35	35				17	37
27	100118	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG MINH	14/09/07	4	22	22				4	33
28	100143	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NAM	02/03/07	5	23	23				5	34
29	100248	ĐẶNG KHÁNH NGÂN	07/11/07	9	27	27				9	35
30	100259	NGUYỄN HỒNG NGỌC	29/11/07	9	27	27				9	35
31	100269	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	21/08/07	9	27	27				9	35
32	100664	VŨ HÀ THẢO NGUYÊN	29/01/07	23	41	41				23	38
33	100660	NGUYỄN ANH THÁI	03/04/07	23	41	41				23	38
34	100617	PHẠM PHƯƠNG THẢO	18/06/07	21	39	39				21	38
35	100567	ĐÀM PHƯƠNG THÙY	23/11/07	20	38	38				20	38
36	100511	PHÙNG MINH THƯ	16/02/07	18	36	36				18	37
37	100298	LÊ MINH TRANG	08/03/07	10	28	28				10	35
38	100419	LÃ THỊ THẢO VY	22/07/07	15	33	33				15	37

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C12

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100163	PHẠM NGỌC HUYỀN ANH	23/07/07	6	24	24				6	34
2	100405	TRẦN THỊ KIM CÚC	25/07/07	14	32	32				14	36
3	100389	BÙI HƯƠNG GIANG	31/01/07	14	32	32				14	36
4	100645	NGUYỄN THANH GIANG	11/06/07	22	40	40				22	38
5	100503	TRẦN HƯƠNG GIANG	14/08/07	18	36	36				18	37
6	100236	DƯƠNG THU HÀ	11/11/07	8	26	26				8	35
7	100509	LÊ MINH HÀ	06/12/07	18	36	36				18	37
8	100338	NGUYỄN NGÂN HÀ	31/12/07	12	30	30				12	36
9	100624	TRẦN NGÂN HÀ	22/04/07	22	40	40				22	38
10	100327	LÊ GIA HÂN	23/06/07	11	29	29				11	36
11	100329	BÙI PHƯƠNG HUYỀN	17/04/07	12	30	30				12	36
12	100139	BÙI THỊ THU HUYỀN	10/05/07	5	23	23				5	34
13	100210	PHẠM KHÁNH HUYỀN	25/08/07	7	25	25				7	34
14	100364	TRỊNH KHÁNH HUYỀN	06/04/07	13	31	31				13	36
15	100539	PHẠM THU HƯƠNG	05/06/07	19	37	37				19	37
16	100528	VŨ MINH KHÁNH	02/11/07	18	36	36				18	37
17	100226	NGUYỄN TRÚC LAM	05/06/07	8	26	26				8	34
18	100341	ĐỖ TÔ KHÁNH LINH	12/07/07	12	30	30				12	36
19	100214	NGUYỄN THÙY LINH	06/08/07	8	26	26				8	34
20	100451	TẠ THẢO LINH	21/01/07	16	34	34				16	37
21	100652	TRẦN PHƯƠNG LINH	03/10/07	23	41	41				23	38
22	100192	NGÔ THANH MAI	28/12/07	7	25	25				7	34
23	100171	PHẠM HUYỀN MY	20/01/07	6	24	24				6	34
24	100352	NGÔ TRẦN BẢO NHI	04/11/07	12	30	30				12	36
25	100384	BÙI TRANG NHUNG	20/08/07	13	31	31				13	36
26	100367	PHÙNG THỊ HÀ NHƯ	20/12/07	13	31	31				13	36
27	100241	ĐÀO THỊ THU PHƯƠNG	25/11/07	9	27	27				9	35
28	100344	ĐỖ NAM PHƯƠNG	22/09/07	12	30	30				12	36
29	100368	NGUYỄN VŨ MAI PHƯƠNG	02/02/07	13	31	31				13	36
30	100316	TRẦN VIỆT QUANG	19/02/07	11	29	29				11	35
31	100554	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	16/11/07	19	37	37				19	38
32	100453	PHẠM ĐIỆP QUỲNH	30/06/07	16	34	34				16	37
33	100284	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	09/11/07	10	28	28				10	35
34	100480	ĐÀO ANH THƯ	10/07/07	17	35	35				17	37
35	100555	BÙI NGUYỄN BẢO TRÂM	18/12/07	19	37	37				19	38
36	100243	NGÔ PHẠM PHƯƠNG UYÊN	22/04/07	9	27	27				9	35
37	100674	ĐỖ PHƯƠNG VY	12/11/07	23	41	41				23	38

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C13

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100324	ĐẶNG NGỌC ANH	12/09/07	11	29	29				11	36
2	100052	NGUYỄN NGỌC ANH	27/09/07	2	20	20				2	32
3	100026	NGUYỄN THỊ DIỆP ANH	01/03/07	1	19	19				1	32
4	100280	VŨ THỤC ANH	01/09/07	10	28	28				10	35
5	100627	HOÀNG HIẾU BÌNH	23/02/07	22	40	40				22	38
6	100561	NGUYỄN PHẠM QUỲNH CHI	01/07/07	20	38	38				20	38
7	100039	PHẠM DIỆP CHI	27/01/07	2	20	20				2	32
8	100084	PHẠM QUỲNH CHI	12/08/07	3	21	21				3	33
9	100630	TRẦN HẢI DUY	22/06/07	22	40	40				22	38
10	100115	ĐỖ THÙY DƯƠNG	27/10/07	4	22	22				4	33
11	100153	ĐẶNG THÁI HÀ	26/12/07	6	24	24				6	34
12	100154	ĐOÀN BẢO HÂN	30/05/07	6	24	24				6	34
13	100328	VŨ NGỌC HIẾU	25/05/07	12	30	30				12	36
14	100330	HOÀNG THANH HUYỀN	08/09/07	12	30	30				12	36
15	100349	NGUYỄN MINH HUYỀN	17/08/07	12	30	30				12	36
16	100062	BÙI KHÁNH LINH	02/09/07	3	21	21				3	32
17	100067	NGUYỄN BÙI DIỆU LINH	24/06/07	3	21	21				3	32
18	100308	NGUYỄN LƯU TRANG LINH	25/02/07	11	29	29				11	35
19	100257	TỐNG KHÁNH LINH	25/09/07	9	27	27				9	35
20	100646	VŨ MAI LINH	17/10/07	22	40	40				22	38
21	100099	ĐỖ NGỌC TUỆ MINH	23/12/07	4	22	22				4	33
22	100394	BÙI HẢI HÀ MY	07/12/07	14	32	32				14	36
23	100282	VŨ THỊ THÙY MY	02/07/07	10	28	28				10	35
24	100343	TRẦN VŨ MINH NGỌC	28/12/07	12	30	30				12	36
25	100095	PHẠM MINH NHẬT	17/11/07	4	22	22				4	33
26	100144	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	18/05/07	5	23	23				5	34
27	100049	BÙI MAI PHƯƠNG	18/07/07	2	20	20				2	32
28	100195	LÊ TRẦN NHẬT PHƯƠNG	26/03/07	7	25	25				7	34
29	100260	NGUYỄN ANH QUÂN	02/10/07	9	27	27				9	35
30	100444	VŨ NGUYỄN PHÚ QUÝ	06/06/07	16	34	34				16	37
31	100318	ĐINH THỊ MINH THẢO	08/04/07	11	29	29				11	35
32	100079	NGUYỄN NGÂN THẢO	13/02/07	3	21	21				3	33
33	100121	NGUYỄN ANH THƯ	04/08/07	5	23	23				5	33
34	100020	NGUYỄN NGỌC THƯ	29/07/07	1	19	19				1	32
35	100299	PHẠM THÙY TRANG	15/07/07	11	29	29				11	35
36	100273	ĐÀO THU UYÊN	07/07/07	10	28	28				10	35
37	100544	HỒ KHÁNH UYÊN	03/10/07	19	37	37				19	37
38	100080	LÊ THỊ HỒNG VÂN	28/04/07	3	21	21				3	33
39	100041	TRẦN KHÁNH VÂN	12/05/07	2	20	20				2	32
40	100601	BÙI QUANG VINH	29/10/07	21	39	39				21	38
41	100445	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG VY	24/01/07	16	34	34				16	37

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C14

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100531	BÙI PHƯƠNG ANH	14/10/07	19	37	37				19	37
2	100233	ĐỖ MAI ANH	21/10/07	8	26	26				8	34
3	100207	NGUYỄN DIỆU ANH	19/01/07	7	25	25				7	34
4	100021	NGUYỄN NHẬT QUẾ ANH	12/11/07	1	19	19				1	32
5	100083	NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH	26/03/07	3	21	21				3	33
6	100435	PHẠM LÊ QUỲNH ANH	20/04/07	15	33	33				15	37
7	100005	LẠI DIỆP CHI	06/10/07	1	19	19				1	32
8	100085	VŨ ĐỨC CƯỜNG	19/04/07	3	21	21				3	33
9	100614	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	27/04/07	21	39	39				21	38
10	100040	NGUYỄN ĐÀO THANH HÀ	19/02/07	2	20	20				2	32
11	100373	PHẠM CẨM HÀ	24/11/07	13	31	31				13	36
12	100225	NGUYỄN VIỆT HÂN	14/12/07	8	26	26				8	34
13	100190	NGUYỄN PHƯƠNG HIỀN	07/04/07	7	25	25				7	34
14	100054	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	29/03/07	2	20	20				2	32
15	100351	TRẦN NGỌC KHÁNH	06/05/07	12	30	30				12	36
16	100076	ĐẶNG KHÁNH LINH	12/02/07	3	21	21				3	33
17	100212	HOÀNG CẨM LINH	19/10/07	8	26	26				8	34
18	100015	LÊ ĐỖ DIỆU LINH	11/09/07	1	19	19				1	32
19	100077	NGUYỄN HOÀI LINH	02/12/07	3	21	21				3	33
20	100520	TRẦN NGỌC LINH	01/03/07	18	36	36				18	37
21	100309	TRẦN TRANG LINH	18/04/07	11	29	29				11	35
22	100666	ĐÀO NGỌC LONG	02/01/07	23	41	41				23	38
23	100092	NGUYỄN HẢI MINH	14/06/07	4	22	22				4	33
24	100031	NGUYỄN HOÀNG TUỆ MINH	06/11/07	2	20	20				2	32
25	100087	NGUYỄN NGỌC MINH	01/11/07	3	21	21				3	33
26	100035	NGUYỄN NGỌC MINH	26/11/07	2	20	20				2	32
27	100395	NGUYỄN HỒNG NAM	03/10/07	14	32	32				14	36
28	100423	PHẠM HOÀNG NAM	11/05/07	15	33	33				15	37
29	100311	PHẠM THỊ THU NGÂN	15/07/07	11	29	29				11	35
30	100382	PHÙNG GIA NGÂN	26/06/07	13	31	31				13	36
31	100193	TRẦN BẢO NGÂN	05/03/07	7	25	25				7	34
32	100008	ĐẶNG KHÁNH NGỌC	21/09/07	1	19	19				1	32
33	100510	LÊ HẢI NGỌC	11/12/07	18	36	36				18	37
34	100119	PHẠM TIẾN NHẬT	28/05/07	4	22	22				4	33
35	100120	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	28/11/07	4	22	22				4	33
36	100134	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	03/12/07	5	23	23				5	34
37	100315	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	18/12/07	11	29	29				11	35
38	100173	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	23/08/07	6	24	24				6	34
39	100270	ĐẶNG HƯNG THỊNH	25/08/07	10	28	28				10	35
40	100271	TRẦN ANH THƯ	18/08/07	10	28	28				10	35
41	100032	NGÔ THỊ MINH TRANG	23/01/07	2	20	20				2	32
42	100106	NGUYỄN LÊ BẢO TRÂM	28/09/07	4	22	22				4	33
43	100135	NGUYỄN BẢO TRÂN	19/07/07	5	23	23				5	34
44	100334	NGUYỄN HOÀNG BẢO TRÂN	30/10/07	12	30	30				12	36
45	100034	LÊ NHẬT TRƯỜNG	24/08/07	2	20	20				2	32
46	100204	BÙI THỊ CẨM TÚ	24/02/07	7	25	25				7	34

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C14

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
47	100081	PHẠM TƯỜNG VY	18/07/07	3	21	21				3	33

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C15

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100441	CÁP TRỌNG PHÚC ANH	08/07/07	15	33	33				15	37
2	100130	NGUYỄN CHÂU TUỆ ANH	15/12/07	5	23	23				5	33
3	100082	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	12/12/07	3	21	21				3	33
4	100176	PHẠM TRẦN HẢI ANH	22/08/07	6	24	24				6	34
5	100090	TRẦN NGỌC TÚ ANH	15/09/07	3	21	21				3	33
6	100125	TRẦN PHƯƠNG ANH	26/12/07	5	23	23				5	33
7	100053	TRẦN THỊ VÂN ANH	26/06/07	2	20	20				2	32
8	100044	NGUYỄN HÀ CHI	30/01/07	2	20	20				2	32
9	100009	LÊ THỊ THÙY DUNG	07/12/07	1	19	19				1	32
10	100466	NGUYỄN MINH DŨNG	06/08/07	16	34	34				16	37
11	100235	ĐOÀN LÊ HƯƠNG GIANG	08/08/07	8	26	26				8	34
12	100097	TRẦN KHÁNH GIANG	14/03/07	4	22	22				4	33
13	100131	ĐÀO NAM GIAO	03/07/07	5	23	23				5	33
14	100073	PHẠM NGÂN HÀ	31/10/07	3	21	21				3	32
15	100287	PHÙNG HẢI HÀ	02/01/07	10	28	28				10	35
16	100238	VŨ NGỌC THANH HẰNG	04/07/07	8	26	26				8	35
17	100339	PHẠM NGỌC HIẾU	17/06/07	12	30	30				12	36
18	100253	NGUYỄN PHẠM THANH HÒA	03/02/07	9	27	27				9	35
19	100556	LÊ TRẦN MAI KHÁNH	06/04/07	19	37	37				19	38
20	100256	ĐỖ KHÁNH LINH	19/09/07	9	27	27				9	35
21	100117	LÊ NGỌC KHÁNH LINH	24/12/07	4	22	22				4	33
22	100022	LÊ THÙY LINH	28/09/07	1	19	19				1	32
23	100112	NGUYỄN MAI LINH	16/02/07	4	22	22				4	33
24	100098	PHẠM VIỆT LINH	28/05/07	4	22	22				4	33
25	100332	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG LINH	15/12/07	12	30	30				12	36
26	100063	NGUYỄN TRÀ MY	20/09/07	3	21	21				3	32
27	100165	PHẠM NGA MY	13/10/07	6	24	24				6	34
28	100239	PHẠM HẢI KHÁNH NGÂN	09/07/07	8	26	26				8	35
29	100229	ĐỖ THẢO NGUYÊN	03/09/07	8	26	26				8	34
30	100113	DIỆP PHƯƠNG NHI	25/09/07	4	22	22				4	33
31	100014	LÊ VÂN NHI	31/07/07	1	19	19				1	32
32	100010	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/06/07	1	19	19				1	32
33	100631	ĐÀO THỊ MINH PHƯƠNG	09/04/07	22	40	40				22	38
34	100562	ĐINH VŨ MINH PHƯƠNG	25/05/07	20	38	38				20	38
35	100145	VŨ NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	19/08/07	5	23	23				5	34
36	100203	NGUYỄN NGỌC THẢO	03/07/07	7	25	25				7	34
37	100321	PHAN VŨ ANH THƯ	03/08/07	11	29	29				11	35
38	100033	PHẠM HUYỀN TRÂM	26/07/07	2	20	20				2	32
39	100376	TRẦN THỊ PHƯƠNG UYÊN	01/10/07	13	31	31				13	36
40	100057	PHẠM HOÀNG VÂN	21/12/07	2	20	20				2	32
41	100042	VŨ NGỌC KHÁNH VÂN	09/03/07	2	20	20				2	32
42	100492	ĐÀO THỊ CẨM VI	24/12/07	17	35	35				17	37
43	100322	TRẦN THẢO VI	30/06/07	11	29	29				11	36
44	100230	PHẠM PHƯƠNG VY	06/01/07	8	26	26				8	34
45	100505	TRUNG ĐOÀN HƯƠNG XUÂN	08/12/07	18	36	36				18	37

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C2

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100353	BÙI NGỌC LÂM ANH	20/10/07	12	30	30	26	27	25	12	
2	100184	LƯU QUANG ANH	07/03/07	7	25	25	22	25	24	7	
3	100434	NGUYỄN TRANG ANH	22/07/07	15	33	33	29	28	26	15	
4	100446	TRƯƠNG NGUYỄN GIA BẢO	19/08/07	16	34	34	29	28	26	16	
5	100516	VŨ VĂN CÔNG	03/01/07	18	36	36	31	29	26	18	
6	100447	LÊ ANH DUY	10/05/07	16	34	34	29	28	26	16	
7	100159	NGUYỄN KHẮC DUY	30/03/07	6	24	24	22	25	24	6	
8	100362	ĐINH TIẾN DŨNG	28/02/07	13	31	31	27	27	25	13	
9	100493	PHẠM QUANG DŨNG	11/11/07	17	35	35	30	29	26	17	
10	100160	CHU ĐỨC ĐẠT	28/03/07	6	24	24	22	25	24	6	
11	100252	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/07/07	9	27	27	24	26	24	9	
12	100455	NGUYỄN HÀ ANH ĐỨC	13/08/07	16	34	34	29	28	26	16	
13	100673	PHẠM NGUYỄN HẢI HẰNG	18/10/07	23	41	41	35	31	27	23	
14	100669	PHẠM KHẢI HOÀN	02/04/07	23	41	41	35	31	27	23	
15	100381	NGUYỄN NGỌC HUY HOÀNG	03/01/07	13	31	31	27	27	25	13	
16	100363	LÊ NGỌC HUY	05/05/07	13	31	31	27	27	25	13	
17	100046	ĐOÀN NGỌC HUYỀN	12/10/07	2	20	20	19	23	23	2	
18	100348	ĐỖ THANH HUYỀN	27/05/07	12	30	30	26	27	25	12	
19	100597	NGUYỄN PHÚC HƯNG	15/05/07	21	39	39	33	30	27	21	
20	100371	TRẦN CÔNG HƯNG	30/10/07	13	31	31	27	27	25	13	
21	100538	LÊ THỊ THU HƯƠNG	12/10/07	19	37	37	32	30	27	19	
22	100186	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	17/11/07	7	25	25	23	25	24	7	
23	100378	MAI TIẾN MẠNH	04/11/07	13	31	31	27	27	25	13	
24	100578	TẠ ĐỨC MẠNH	22/01/07	20	38	38	33	30	27	20	
25	100393	LƯU THANH MINH	23/10/07	14	32	32	27	27	25	14	
26	100265	NGUYỄN GIA MINH	31/07/07	9	27	27	24	26	24	9	
27	100524	VŨ NGUYỄN TRÀ MY	12/01/07	18	36	36	31	29	27	18	
28	100420	NGUYỄN THÀNH NAM	24/11/07	15	33	33	28	28	26	15	
29	100612	PHẠM ĐINH HẢI NAM	03/07/07	21	39	39	34	31	27	21	
30	100461	QUẢN BẢO NGÂN	05/04/07	16	34	34	29	28	26	16	
31	100058	LƯU THẢO NGUYÊN	03/01/07	2	20	20	20	23	23	2	
32	100610	TRẦN VŨ KHÔI NGUYÊN	03/08/07	21	39	39	34	31	27	21	
33	100460	PHÍ LONG NHẬT	04/07/07	16	34	34	29	28	26	16	
34	100675	LƯƠNG XUÂN NHI	17/03/07	23	41	41	35	31	27	23	
35	100604	ĐẶNG HỒNG PHÚC	21/02/07	21	39	39	34	31	27	21	
36	100356	NGUYỄN HOÀNG MINH PHƯƠNG	07/02/07	12	30	30	26	27	25	12	
37	100108	PHẠM THANH PHƯƠNG	03/04/07	4	22	22	21	24	23	4	
38	100059	PHẠM MINH TÂM	03/09/07	2	20	20	20	23	23	2	
39	100525	BÙI HUY THẮNG	05/10/07	18	36	36	31	29	27	18	
40	100036	NGUYỄN ANH THƯ	14/09/07	2	20	20	19	23	23	2	
41	100476	ĐINH NGỌC TRÂM	01/02/07	17	35	35	30	29	26	17	
42	100064	TRẦN THU UYÊN	20/04/07	3	21	21	20	23	23	3	
43	100043	VŨ TRỌNG QUỐC VIỆT	08/06/07	2	20	20	19	23	23	2	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C3

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100206	CHU ĐỨC ANH	27/06/07	7	25	25	23	25		7	
2	100618	ĐỖ MINH ANH	16/05/07	22	40	40	34	31		22	
3	100148	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG ANH	01/04/07	5	23	23	21	24		5	
4	100569	LÊ HOÀNG DUY ANH	01/10/07	20	38	38	32	30		20	
5	100361	NGUYỄN TĂNG TRÂM ANH	22/07/07	13	31	31	26	27		13	
6	100068	NGUYỄN VIỆT ANH	29/03/07	3	21	21	20	24		3	
7	100029	NGUYỄN HOÀNG MINH CHÂU	28/07/07	1	19	19	19	23		1	
8	100411	DƯƠNG THẢO CHI	22/05/07	14	32	32	28	28		14	
9	100413	TRẦN QUẾ CHI	15/11/07	14	32	32	28	28		14	
10	100151	LÃ MINH CHÍNH	16/04/07	6	24	24	22	24		6	
11	100481	TRƯƠNG THỊ MINH DIỄM	17/07/07	17	35	35	30	29		17	
12	100626	ĐỖ HOÀNG DUY	23/06/07	22	40	40	34	31		22	
13	100545	NGUYỄN MẠNH DUY	12/03/07	19	37	37	32	30		19	
14	100185	TRẦN ĐỨC DUY	27/09/07	7	25	25	22	25		7	
15	100200	NGÔ XUÂN DŨNG	13/01/07	7	25	25	23	25		7	
16	100457	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	07/12/07	16	34	34	29	28		16	
17	100565	NGUYỄN THẾ DƯƠNG	31/07/07	20	38	38	32	30		20	
18	100286	NGUYỄN HẢI HÀ	08/02/07	10	28	28	25	26		10	
19	100246	VŨ BẢO HÀ	25/08/07	9	27	27	24	26		9	
20	100414	LÊ THỊ MINH HẰNG	06/11/07	14	32	32	28	28		14	
21	100506	NGUYỄN MINH HIẾU	14/07/07	18	36	36	31	29		18	
22	100483	TRẦN XUÂN HUY	06/02/07	17	35	35	30	29		17	
23	100065	VŨ TRỌNG HUY	20/06/07	3	21	21	20	23		3	
24	100220	LÊ KHÁNH HUYỀN	25/11/07	8	26	26	23	26		8	
25	100056	NGUYỄN HOÀNG LÂM	17/11/07	2	20	20	20	23		2	
26	100558	PHẠM NGUYỄN HOÀNG LINH	04/10/07	19	37	37	32	30		19	
27	100606	QUẢN PHƯƠNG LINH	22/11/07	21	39	39	34	31		21	
28	100428	BÙI THÀNH LONG	18/01/07	15	33	33	28	28		15	
29	100231	LƯU THANH MAI	22/02/07	8	26	26	24	26		8	
30	100422	NGUYỄN NHẬT MINH	03/01/07	15	33	33	28	28		15	
31	100643	PHẠM NGUYỄN ANH MINH	15/02/07	22	40	40	35	31		22	
32	100638	PHẠM QUANG MINH	07/10/07	22	40	40	34	31		22	
33	100602	TÔ DUY MINH	20/01/07	21	39	39	33	31		21	
34	100600	TRƯƠNG QUANG MINH	11/01/07	21	39	39	33	30		21	
35	100101	VŨ NGUYỄN GIA MINH	30/10/07	4	22	22	20	24		4	
36	100529	VŨ BÙI HÀ MY	14/05/07	18	36	36	31	30		18	
37	100094	NGUYỄN THÚY NGỌC	25/01/07	4	22	22	20	24		4	
38	100605	NGUYỄN GIA PHÚC	19/04/07	21	39	39	34	31		21	
39	100508	NGUYỄN HỮU PHÚC	24/07/07	18	36	36	31	29		18	
40	100620	PHẠM HIẾU SƠN	15/12/07	22	40	40	34	31		22	
41	100593	PHẠM MINH SƠN	12/10/07	21	39	39	33	30		21	
42	100472	TRẦN GIANG SƠN	26/07/07	16	34	34	30	29		16	
43	100418	NGUYỄN HOÀNG MINH TRANG	15/09/07	15	33	33	28	28		15	
44	100278	VŨ QUỲNH TRANG	21/09/07	10	28	28	25	26		10	
45	100504	ĐINH NGỌC BẢO TRÂN	08/01/07	18	36	36	31	29		18	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 10C3

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
46	100196	TRẦN ĐỨC TRÍ	26/09/07	7	25	25	23	25		7	
47	100478	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	22/09/07	17	35	35	30	29		17	
48	100357	NGÔ DOÃN NAM TRƯỜNG	11/07/07	13	31	31	26	27		13	
49	100430	NGUYỄN THỊ NGỌC UYÊN	12/06/07	15	33	33	28	28		15	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C4

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100028	BÙI VŨ ĐỨC ANH	10/07/07	1	19	19	19	23		1	
2	100162	LÊ MAI ANH	26/11/07	6	24	24	22	25		6	
3	100072	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	14/04/07	3	21	21	20	24		3	
4	100244	VŨ HỒNG ANH	03/05/07	9	27	27	24	26		9	
5	100114	NGUYỄN LÊ NGỌC ÁNH	20/11/07	4	22	22	21	24		4	
6	100199	PHẠM HẢI BÌNH	04/06/07	7	25	25	23	25		7	
7	100126	BÙI NGUYỄN MINH CHÂU	04/02/07	5	23	23	21	24		5	
8	100012	NGUYỄN QUỲNH CHI	25/02/07	1	19	19	19	23		1	
9	100412	PHẠM MAI KHÁNH CHI	06/07/07	14	32	32	28	28		14	
10	100275	NGUYỄN MINH DŨNG	14/10/07	10	28	28	25	26		10	
11	100347	PHẠM TIẾN DŨNG	15/08/07	12	30	30	26	27		12	
12	100189	NGUYỄN NHẬT DƯƠNG	13/08/07	7	25	25	23	25		7	
13	100526	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	06/08/07	18	36	36	31	30		18	
14	100219	NGUYỄN MINH ĐẠT	21/04/07	8	26	26	23	25		8	
15	100448	NINH VĂN ĐẠT	31/08/07	16	34	34	29	28		16	
16	100399	TRẦN THÀNH ĐẠT	08/01/07	14	32	32	27	27		14	
17	100152	TRẦN TIẾN ĐẠT	09/01/07	6	24	24	22	24		6	
18	100439	ĐOÀN NGỌC VÂN HẬU	11/12/07	15	33	33	29	28		15	
19	100074	BÙI NGỌC HIẾU	25/04/07	3	21	21	20	24		3	
20	100170	TRIỆU GIA HIỂN	10/05/07	6	24	24	22	25		6	
21	100019	ĐOÀN GIA HUY	15/12/07	1	19	19	19	23		1	
22	100377	NGUYỄN DUY HƯNG	26/11/07	13	31	31	27	27		13	
23	100550	VƯƠNG TUẤN HƯNG	13/02/07	19	37	37	32	30		19	
24	100004	PHẠM THỊ MINH KHUÊ	07/02/07	1	19	19	19	23		1	
25	100517	PHẠM ĐỖ NGỌC LÂM	29/06/07	18	36	36	31	29		18	
26	100107	ĐOÀN ĐỨC MẠNH	25/04/07	4	22	22	21	24		4	
27	100136	BÙI BÌNH MINH	15/03/07	5	23	23	21	24		5	
28	100024	BÙI ĐẮC MINH	12/02/07	1	19	19	19	23		1	
29	100030	NGUYỄN TRỌNG NHẬT MINH	14/09/07	1	19	19	19	23		1	
30	100449	TRẦN QUANG MINH	20/03/07	16	34	34	29	28		16	
31	100221	ĐOÀN TRẦN HẢI NAM	16/06/07	8	26	26	23	26		8	
32	100402	MAI HOÀNG NGUYÊN	30/06/07	14	32	32	28	28		14	
33	100471	MAI UYỂN NHI	07/02/07	16	34	34	30	29		16	
34	100181	ĐÀO TUẤN PHONG	06/04/07	7	25	25	22	25		7	
35	100337	LÊ THỊ HÀ PHƯƠNG	02/12/07	12	30	30	26	27		12	
36	100277	NGUYỄN MINH QUYỀN	01/10/07	10	28	28	25	26		10	
37	100360	DƯƠNG KHẮC TUẤN SANG	01/02/07	13	31	31	26	27		13	
38	100379	NGUYỄN MINH THANH	05/11/07	13	31	31	27	27		13	
39	100218	ĐINH NGUYỄN MINH TRANG	07/07/07	8	26	26	23	25		8	
40	100158	NGÔ HUYỀN TRANG	20/04/07	6	24	24	22	25		6	
41	100069	VŨ NGỌC BẢO TRÂM	04/12/07	3	21	21	20	24		3	
42	100096	LÊ TRẦN THÀNH TRUNG	26/04/07	4	22	22	20	24		4	
43	100050	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	05/01/07	2	20	20	19	23		2	
44	100013	NGUYỄN LÊ HOÀNG TUẤN	29/12/07	1	19	19	19	23		1	
45	100611	PHẠM ANH TÙNG	18/11/07	21	39	39	34	31		21	
46	100174	VŨ QUÝ TÙNG	04/07/07	6	24	24	22	25		6	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 10C4

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
47	100071	PHẠM TỐ UYÊN	08/09/07	3	21	21	20	24		3	
48	100232	VŨ ĐAN VI	04/12/07	8	26	26	24	26		8	
49	100301	PHAN HẢI VINH	23/09/07	11	29	29	25	26		11	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C5

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100563	ĐỖ HỒNG AN	20/06/07	20	38	38	32	30		20	
2	100667	ĐÀO MAI ANH	13/11/07	23	41	41	35	31		23	
3	100589	LÊ QUỲNH ANH	23/06/07	21	39	39	33	30		21	
4	100619	LƯU QUANG NAM ANH	14/11/07	22	40	40	34	31		22	
5	100179	NGUYỄN HẢI ANH	04/01/07	6	24	24	22	25		6	
6	100650	NGUYỄN NHẬT ANH	09/10/07	23	41	41	35	31		23	
7	100304	PHẠM QUỲNH ANH	18/06/07	11	29	29	25	27		11	
8	100404	VŨ QUỲNH ANH	01/04/07	14	32	32	28	28		14	
9	100188	HÀ MINH CÔNG	08/01/07	7	25	25	23	25		7	
10	100016	VŨ THÀNH CÔNG	25/03/07	1	19	19	19	23		1	
11	100290	ĐỖ TÙNG DƯƠNG	09/08/07	10	28	28	25	26		10	
12	100180	LƯƠNG TIẾN ĐẠT	20/04/07	6	24	24	22	25		6	
13	100116	NGUYỄN HỮU TIẾN ĐẠT	10/08/07	4	22	22	21	24		4	
14	100546	TRẦN LÊ TRỌNG ĐỨC	31/08/07	19	37	37	32	30		19	
15	100326	HOÀNG TRUNG HẢI	05/11/07	11	29	29	26	27		11	
16	100654	LƯƠNG MINH HẰNG	12/06/07	23	41	41	35	31		23	
17	100415	NGUYỄN THỊ DIỆU HÂN	26/05/07	15	33	33	28	28		15	
18	100519	NGHIÊM TRUNG HIẾU	01/09/07	18	36	36	31	29		18	
19	100590	NGUYỄN QUỐC HIẾU	09/10/07	21	39	39	33	30		21	
20	100450	NGUYỄN MINH HIỀN	20/10/07	16	34	34	29	28		16	
21	100586	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA	18/03/07	20	38	38	33	30		20	
22	100477	HOÀNG GIA HUY	24/05/07	17	35	35	30	29		17	
23	100496	ĐOÀN VIỆT HƯNG	09/07/07	17	35	35	30	29		17	
24	100507	LÊ ĐẶNG GIA HƯNG	18/08/07	18	36	36	31	29		18	
25	100211	LÊ BẢO KHANH	01/07/07	8	26	26	23	25		8	
26	100659	ĐẶNG HẢI LINH	10/05/07	23	41	41	35	31		23	
27	100577	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	01/02/07	20	38	38	33	30		20	
28	100386	LÊ PHƯƠNG MINH	18/11/07	14	32	32	27	27		14	
29	100559	NGUYỄN ĐỨC MINH	08/09/07	19	37	37	32	30		19	
30	100470	NGUYỄN THÀNH NAM	18/04/07	16	34	34	30	29		16	
31	100222	NGÔ HÂN NGHI	25/01/07	8	26	26	23	26		8	
32	100485	ĐÀM YẾN NHI	26/08/07	17	35	35	30	29		17	
33	100512	HOÀNG DIỆP NHI	18/09/07	18	36	36	31	29		18	
34	100194	LÊ THỊ TÂM NHƯ	20/02/07	7	25	25	23	25		7	
35	100017	HOÀNG TUẤN PHONG	25/11/07	1	19	19	19	23		1	
36	100603	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	02/01/07	21	39	39	34	31		21	
37	100486	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	24/10/07	17	35	35	30	29		17	
38	100574	PHẠM MAI PHƯƠNG	13/10/07	20	38	38	33	30		20	
39	100587	HÀ CÔNG QUYỀN	15/08/07	20	38	38	33	30		20	
40	100129	PHẠM ĐỨC SÁNG	22/10/07	5	23	23	21	24		5	
41	100560	ĐOÀN HỒNG MINH TÂM	01/10/07	20	38	38	32	30		20	
42	100591	PHẠM MINH TÂM	19/08/07	21	39	39	33	30		21	
43	100003	QUÁCH ĐỨC THÀNH	08/11/07	1	19	19	19	23		1	
44	100623	QUẢN HỮU TIẾN	12/09/07	22	40	40	34	31		22	
45	100182	CAO THU TRANG	20/03/07	7	25	25	22	25		7	
46	100027	ĐẶNG HÀ TRANG	27/12/07	1	19	19	19	23		1	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 10C5

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
47	100454	TRẦN NGUYỄN MAI TRANG	31/05/07	16	34	34	29	28		16	
48	100530	PHAN ĐÀM PHƯƠNG UYÊN	10/05/07	18	36	36	31	30		18	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 10C6

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100581	LÊ ĐỨC ANH	27/04/07	20	38	38	33	30	27	20	
2	100515	LÊ PHƯƠNG ANH	18/10/07	18	36	36	31	29	26	18	
3	100647	NGUYỄN QUỲNH ANH	08/07/07	23	41	41	35	31	27	23	
4	100137	PHAN MINH ANH	26/08/07	5	23	23	21	24	23	5	
5	100648	VŨ MINH ANH	04/12/07	23	41	41	35	31	27	23	
6	100536	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	08/02/07	19	37	37	31	30	27	19	
7	100575	NGUYỄN QUỐC BẢO	19/07/07	20	38	38	33	30	27	20	
8	100105	BÙI NGỌC DIỆP	28/09/07	4	22	22	21	24	23	4	
9	100051	LÊ MAI DIỆP	03/01/07	2	20	20	20	23	23	2	
10	100122	PHẠM THÙY DƯƠNG	11/06/07	5	23	23	21	24	23	5	
11	100224	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	12/01/07	8	26	26	24	26	24	8	
12	100400	LÊ MAI HUYỀN HÂN	30/07/07	14	32	32	27	28	26	14	
13	100390	ĐOÀN DUY HIẾU	12/01/07	14	32	32	27	27	25	14	
14	100484	LÊ NGỌC KHÁNH	27/11/07	17	35	35	30	29	26	17	
15	100197	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	17/09/07	7	25	25	23	25	24	7	
16	100291	TRẦN NGỌC KHÁNH	15/09/07	10	28	28	25	26	25	10	
17	100564	TRẦN VĂN KHÁNH	29/12/07	20	38	38	32	30	27	20	
18	100541	NGUYỄN HUYỀN LINH	20/12/07	19	37	37	32	30	27	19	
19	100336	NGUYỄN KHÁNH LINH	11/12/07	12	30	30	26	27	25	12	
20	100649	TRẦN KHÁNH LINH	29/12/07	23	41	41	35	31	27	23	
21	100141	VŨ THẾ LUÂN	03/11/07	5	23	23	21	24	24	5	
22	100025	BÙI NGỌC MINH	18/11/07	1	19	19	19	23	23	1	
23	100429	LÊ THỊ NGỌC MINH	24/07/07	15	33	33	28	28	26	15	
24	100568	LÊ PHẠM HÀ MY	23/11/07	20	38	38	32	30	27	20	
25	100293	PHẠM KHÁNH NAM	08/10/07	10	28	28	25	26	25	10	
26	100276	VŨ NGỌC PHONG	17/10/07	10	28	28	25	26	25	10	
27	100622	ĐÀO THỊ MINH PHƯƠNG	14/07/07	22	40	40	34	31	27	22	
28	100223	ĐỖ MINH PHƯƠNG	28/04/07	8	26	26	23	26	24	8	
29	100266	LÊ MINH SƠN	26/08/07	9	27	27	24	26	24	9	
30	100109	VŨ THỊ HOÀNG THANH	03/07/07	4	22	22	21	24	23	4	
31	100285	VŨ TRẦN ĐỨC THÀNH	05/05/07	10	28	28	25	26	25	10	
32	100437	LÊ PHƯƠNG THẢO	02/08/07	15	33	33	29	28	26	15	
33	100628	NGUYỄN ANH THƯ	07/01/07	22	40	40	34	31	27	22	
34	100501	NGÔ DUY TÙNG	14/09/07	17	35	35	31	29	26	17	
35	100249	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	22/01/07	9	27	27	24	26	24	9	
36	100177	CHU ĐỨC VƯỢNG	09/04/07	6	24	24	22	25	24	6	
37	100629	PHẠM NGỌC YẾN	13/02/07	22	40	40	34	31	27	22	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C7

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100205	PHẠM THÁI AN	31/07/07	7	25	25	23			7	
2	100440	CÁP QUỲNH ANH	18/01/07	15	33	33	29			15	
3	100102	ĐẶNG QUANG ANH	11/01/07	4	22	22	20			4	
4	100594	ĐINH VŨ PHƯƠNG ANH	08/02/07	21	39	39	33			21	
5	100432	HOÀNG PHƯƠNG ANH	25/01/07	15	33	33	28			15	
6	100294	LÊ HÀ ANH	05/11/07	10	28	28	25			10	
7	100103	NGUYỄN TÚ ANH	16/11/07	4	22	22	21			4	
8	100613	TRẦN NGUYỄN HOÀNG ANH	26/03/07	21	39	39	34			21	
9	100547	VŨ PHƯƠNG ANH	06/12/07	19	37	37	32			19	
10	100532	ĐỖ THỊ HỒNG ÁNH	16/03/07	19	37	37	31			19	
11	100657	DIỆP THIÊN BẢO	29/08/07	23	41	41	35			23	
12	100464	NGUYỄN TRỌNG TRUNG BẮC	21/12/07	16	34	34	29			16	
13	100245	NGUYỄN MINH CHÂU	20/09/07	9	27	27	24			9	
14	100436	BÙI THỊ DIỆP CHI	30/07/07	15	33	33	29			15	
15	100388	BÙI PHÚC ĐIỀN	16/10/07	14	32	32	27			14	
16	100651	LÊ HOÀNG MINH HIẾU	12/10/07	23	41	41	35			23	
17	100208	VŨ TRUNG HIẾU	02/01/07	7	25	25	23			7	
18	100191	PHẠM THU HIỀN	17/03/07	7	25	25	23			7	
19	100340	ĐÀO MINH HỒNG	26/08/07	12	30	30	26			12	
20	100086	NGUYỄN HỮU HOÀNG HUY	12/09/07	3	21	21	20			3	
21	100359	PHẠM NGUYỄN GIA KHÁNH	07/02/07	13	31	31	26			13	
22	100421	ĐỖ ĐỨC KHÔI	26/10/07	15	33	33	28			15	
23	100670	HOÀNG NGỌC LAM	13/03/07	23	41	41	35			23	
24	100566	NGUYỄN DƯ LUÂN	21/03/07	20	38	38	32			20	
25	100247	BÙI HOÀNG NHẬT MINH	17/07/07	9	27	27	24			9	
26	100216	TRẦN TUẤN MINH	04/01/07	8	26	26	23			8	
27	100653	PHẠM THỊ HÀ MY	11/06/07	23	41	41	35			23	
28	100093	NGUYỄN HOÀI NAM	16/09/07	4	22	22	20			4	
29	100443	TRẦN HẢI NAM	14/04/07	15	33	33	29			15	
30	100396	CAO KHÁNH NGỌC	27/11/07	14	32	32	27			14	
31	100499	NGUYỄN LÊ MINH NGỌC	07/12/07	17	35	35	30			17	
32	100469	VŨ PHẠM THẢO NGUYÊN	14/01/07	16	34	34	30			16	
33	100313	CHU TUẤN PHONG	19/12/07	11	29	29	26			11	
34	100283	VŨ THUẬN PHONG	07/08/07	10	28	28	25			10	
35	100011	ĐOÀN THỊ MINH PHƯƠNG	12/07/07	1	19	19	19			1	
36	100534	NGUYỄN NGỌC QUANG	25/12/07	19	37	37	31			19	
37	100168	ĐỖ MINH QUÂN	19/01/07	6	24	24	22			6	
38	100297	LƯƠNG PHÚC THÀNH	21/08/07	10	28	28	25			10	
39	100475	BÙI ĐỨC THUẬN	06/11/07	17	35	35	30			17	
40	100217	DƯƠNG THÙY TRANG	23/06/07	8	26	26	23			8	
41	100272	ĐỖ MAI TRANG	05/07/07	10	28	28	24			10	
42	100426	LƯƠNG NGỌC MINH TRANG	20/02/07	15	33	33	28			15	
43	100385	TRẦN THÙY TRANG	28/07/07	13	31	31	27			13	
44	100263	VŨ HỒNG MINH TRANG	09/12/07	9	27	27	24			9	
45	100582	LÊ MINH TRÍ	04/05/07	20	38	38	33			20	
46	100147	NGUYỄN THÀNH TRUNG	04/08/07	5	23	23	21			5	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 10C7

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
47	100491	TRẦN CÁT ANH TÚ	02/11/07	17	35	35	30			17	
48	100427	PHAN HÀ VI	23/03/07	15	33	33	28			15	
49	100335	ĐÀO QUANG VINH	09/08/07	12	30	30	26			12	
50	100302	ĐINH THỊ THÚY VY	15/02/07	11	29	29	25			11	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C8

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100150	PHẠM VĂN AN	15/08/07	5	23	23	21			5	
2	100644	TRẦN MAI AN	27/09/07	22	40	40	35			22	
3	100668	TRƯƠNG THỊ QUÂN ANH	27/05/07	23	41	41	35			23	
4	100325	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	08/02/07	11	29	29	26			11	
5	100201	LÊ HƯƠNG GIANG	06/02/07	7	25	25	23			7	
6	100372	NGUYỄN PHƯƠNG GIANG	09/08/07	13	31	31	27			13	
7	100533	NGUYỄN THỊ GIANG	30/11/07	19	37	37	31			19	
8	100584	TRỊNH NGUYỄN GIA HÂN	05/11/07	20	38	38	33			20	
9	100406	ĐOÀN QUANG HUY	02/12/07	14	32	32	28			14	
10	100487	ĐẶNG NGỌC HUYỀN	06/04/07	17	35	35	30			17	
11	100665	NGUYỄN QUANG HƯNG	05/12/07	23	41	41	35			23	
12	100255	DƯƠNG QUỲNH HƯƠNG	13/02/07	9	27	27	24			9	
13	100408	TRỊNH THỊ THU HƯƠNG	07/11/07	14	32	32	28			14	
14	100055	MAI THU HƯỜNG	06/06/07	2	20	20	20			2	
15	100075	VŨ HOÀNG MỘC HOA LÊ	21/08/07	3	21	21	20			3	
16	100132	CHU QUÝ MỸ LINH	06/04/07	5	23	23	21			5	
17	100023	NGUYỄN VŨ THÙY LINH	29/09/07	1	19	19	19			1	
18	100295	VŨ KHÁNH LINH	08/09/07	10	28	28	25			10	
19	100599	VŨ HẢI LONG	08/11/07	21	39	39	33			21	
20	100549	DƯƠNG QUANG MINH	06/08/07	19	37	37	32			19	
21	100142	NGUYỄN NGỌC BẢO MINH	19/10/07	5	23	23	21			5	
22	100258	NGUYỄN TUẤN MINH	06/03/07	9	27	27	24			9	
23	100366	NGUYỄN TUẤN MINH	18/09/07	13	31	31	27			13	
24	100552	PHẠM MINH THẢO MY	24/07/07	19	37	37	32			19	
25	100048	ĐỖ ĐỨC NAM	29/05/07	2	20	20	19			2	
26	100542	KHÚC THIÊN NGÂN	19/10/07	19	37	37	32			19	
27	100571	TẠ THU NGÂN	29/09/07	20	38	38	32			20	
28	100089	TRẦN BẢO NGỌC	01/03/07	3	21	21	20			3	
29	100579	VŨ THỊ QUỲNH NGỌC	05/01/07	20	38	38	33			20	
30	100521	PHAN BÙI THẢO NGUYÊN	14/09/07	18	36	36	31			18	
31	100553	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	15/10/07	19	37	37	32			19	
32	100167	PHẠM HẢI HƯƠNG NHI	17/10/07	6	24	24	22			6	
33	100240	PHẠM VŨ LINH NHI	09/07/07	8	26	26	24			8	
34	100288	PHẠM VŨ YẾN NHI	26/10/07	10	28	28	25			10	
35	100172	TRẦN THIỆN NHI	30/12/07	6	24	24	22			6	
36	100672	LƯU GIA PHÚC	09/04/07	23	41	41	35			23	
37	100314	VŨ HỒNG PHÚC	13/08/07	11	29	29	26			11	
38	100573	CAO THU PHƯƠNG	19/08/07	20	38	38	33			20	
39	100522	TRẦN MAI PHƯƠNG	13/08/07	18	36	36	31			18	
40	100490	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	05/12/07	17	35	35	30			17	
41	100369	VŨ HÀ PHƯƠNG	29/04/07	13	31	31	27			13	
42	100543	NGUYỄN MINH QUÂN	26/02/07	19	37	37	32			19	
43	100346	LẠI ĐAN TÂM	02/04/07	12	30	30	26			12	
44	100262	ĐINH XUÂN THÀNH	10/08/07	9	27	27	24			9	
45	100438	PHẠM PHƯƠNG THẢO	18/04/07	15	33	33	29			15	
46	100500	BÙI HƯƠNG THỦY	30/08/07	17	35	35	30			17	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C8

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
47	100037	TẠ HỒNG ANH THƯ	07/09/07	2	20	20	19			2	
48	100632	NGUYỄN NGỌC DIỆP TRÂN	30/08/07	22	40	40	34			22	
49	100375	ĐÀO PHƯƠNG UYÊN	11/11/07	13	31	31	27			13	
50	100300	TRẦN ĐỨC VIỆT	27/05/07	11	29	29	25			11	
51	100178	TỐNG MINH Ý	10/07/07	6	24	24	22			6	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 10C9

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
1	100661	ĐÀM THỊ MAI ANH	15/08/07	23	41	41	35			23	
2	100535	NGUYỄN NHẬT TÂM ANH	01/01/08	19	37	37	31			19	
3	100570	PHẠM QUỲNH ANH	12/10/07	20	38	38	32			20	
4	100250	LÊ QUỲNH CHI	07/12/07	9	27	27	24			9	
5	100473	VŨ THỊ KHÁNH CHI	19/11/07	17	35	35	30			17	
6	100537	ĐỖ MẠNH DŨNG	26/10/07	19	37	37	32			19	
7	100474	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/01/07	17	35	35	30			17	
8	100111	PHẠM TIẾN ĐẠT	04/02/07	4	22	22	21			4	
9	100091	PHẠM TRỌNG HOÀNG ĐẠT	17/08/07	4	22	22	20			4	
10	100066	ĐỖ THẾ ĐỨC	05/01/08	3	21	21	20			3	
11	100639	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	08/07/07	22	40	40	34			22	
12	100305	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	13/07/07	11	29	29	25			11	
13	100655	HOÀNG QUỲNH HÀ	22/05/07	23	41	41	35			23	
14	100268	HOÀNG THU HÀ	01/02/07	9	27	27	24			9	
15	100237	NGÔ VIỆT HÀ	11/04/07	8	26	26	24			8	
16	100061	NGUYỄN TRUNG HIẾU	18/10/07	3	21	21	20			3	
17	100209	HOÀNG LÊ AN HUY	17/08/07	7	25	25	23			7	
18	100458	PHAN QUANG HUY	18/12/07	16	34	34	29			16	
19	100350	NGUYỄN THU HUYỀN	17/03/07	12	30	30	26			12	
20	100127	PHẠM THANH HUYỀN	24/10/07	5	23	23	21			5	
21	100140	NGUYỄN THỊ VÂN KHÁNH	21/06/07	5	23	23	21			5	
22	100416	VŨ DUY KHÁNH	11/01/07	15	33	33	28			15	
23	100608	ĐOÀN BẢO KHÔI	13/11/07	21	39	39	34			21	
24	100540	NGUYỄN TÙNG LÂM	07/08/07	19	37	37	32			19	
25	100156	HÀ THẢO LINH	21/07/07	6	24	24	22			6	
26	100497	MAI THẢO LINH	16/09/07	17	35	35	30			17	
27	100213	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	05/11/07	8	26	26	23			8	
28	100047	PHẠM LƯƠNG DIỆU LINH	10/01/07	2	20	20	19			2	
29	100078	PHI HOÀNG LINH	14/12/07	3	21	21	20			3	
30	100633	LÊ THÁI LONG	24/04/07	22	40	40	34			22	
31	100498	LÊ TRẦN NHẬT LONG	03/01/07	17	35	35	30			17	
32	100157	TRỊNH GIA LONG	03/06/07	6	24	24	22			6	
33	100551	DƯƠNG HỒNG MINH	02/10/07	19	37	37	32			19	
34	100227	ĐỒNG ĐĂNG MINH	19/02/07	8	26	26	24			8	
35	100215	NGUYỄN HỮU ĐỨC MINH	26/08/07	8	26	26	23			8	
36	100228	NGUYỄN TUẤN MINH	22/08/07	8	26	26	24			8	
37	100417	NGUYỄN TRẦN KHÁNH NGÂN	03/08/07	15	33	33	28			15	
38	100424	NGUYỄN TRẦN KIM NGÂN	05/11/07	15	33	33	28			15	
39	100621	PHẠM YẾN NHI	21/03/07	22	40	40	34			22	
40	100636	TRẦN VŨ NHƯ QUỲNH	04/12/07	22	40	40	34			22	
41	100370	TRẦN THANH SƠN	28/12/07	13	31	31	27			13	
42	100261	VŨ NGUYỄN NGỌC TÂM	26/04/07	9	27	27	24			9	
43	100320	NGUYỄN ANH THƯ	15/11/07	11	29	29	26			11	
44	100625	BÙI ĐOÀN ANH TUẤN	31/03/07	22	40	40	34			22	
45	100662	PHẠM LÂM DIỆU TÚ	13/07/07	23	41	41	35			23	

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN
KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022 - 2023

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 10C9

Khóa ngày 13-16/3/2023

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI							
				Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa
46	100183	PHẠM TÚ UYÊN	21/09/07	7	25	25	22			7	
47	100398	BÙI KHÁNH VY	29/12/07	14	32	32	27			14	